TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12 – 8 - 2026
V/v tranh chấp: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".*

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyên Vy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Hồng Lam
2. Bà Bùi Thị Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Quỳnh Bảo Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Khánh Hòa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2026 tại Hội trường xử án, Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 329/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2025 về tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2026/QĐXXST – HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trịnh Trần Tiến T, sinh năm: 1988.
Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường P, tỉnh Khánh Hòa.
2. Bị đơn: Ông Vũ Hoàng Đ, sinh năm: 1981.
Địa chỉ: Số C đường B, Tổ dân phố F, phường B, tỉnh Khánh Hòa.

Tại phiên tòa, có mặt: Bà Trịnh Trần Tiến T;
Vắng mặt: Ông Vũ Hoàng Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 05/12/2025 và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trịnh Trần Tiến T trình bày:

Bà và ông Vũ Hoàng Đ sau một thời gian tìm hiểu đã tiến đến hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (nay thuộc phường B, tỉnh Khánh Hòa) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 86/2008 ngày 25 tháng 8 năm 2008. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

do khác biệt về tính cách, khác biệt quan điểm đối với mọi vấn đề; ngoài ra, do kinh tế vợ chồng khó khăn, thời điểm này bà đang nuôi con nhỏ không có việc làm, chồng bà đang nghỉ việc; từ đó cuộc sống khó khăn nên vợ chồng thường xảy ra cãi nhau. Vì không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên từ năm 2016 bà về nhà cha mẹ ruột bà sống cho đến nay, còn chồng cùng 02 con về nhà cha mẹ chồng sinh sống. Thời gian xa nhau mạnh ai nấy sống, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Vũ Hoàng Đ.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung tên Vũ Hà M, sinh ngày 12/3/2009 và Vũ Hoàng V, sinh ngày 23/6/2013. Từ năm 2016 cho đến nay, 02 con H, Hoàng V đang sống cùng ông Vũ Hoàng Đ. Trong thời gian 02 con sống với ông Đ, được ông Đ chăm sóc đầy đủ, đảm bảo về sức khỏe và học tập. Khi ly hôn, bà yêu cầu giao 02 con chung H, Hoàng V cho ông Vũ Hoàng Đ trực tiếp nuôi dưỡng nhằm ổn định cuộc sống của 02 con. Bà không cấp dưỡng nuôi 02 con. Hiện bà phụ giúp mẹ bà buôn bán, ông Đ đang công tác tại công ty C.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

- Quá trình tố tụng, bị đơn ông Vũ Hoàng Đ không đến Tòa án làm việc, không trình bày ý kiến và không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Thư ký, nguyên đơn đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn vắng mặt trong quá trình tố tụng, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông Vũ Hoàng Đ và yêu cầu giao 02 con chung Vũ Hà M, sinh ngày 12/3/2009, Vũ Hoàng V, sinh ngày 23/6/2013 cho bị đơn ông Vũ Hoàng Đ trực tiếp nuôi dưỡng; hai trẻ H, Hoàng V có nguyện vọng tiếp tục ở với ông Đ. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trịnh Trần Tiến T là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có địa chỉ thường trú tại phường B, tỉnh Khánh Hòa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Khánh Hòa theo quy định tại Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình tố tụng, Tòa án đã thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa, bị đơn tiếp tục vắng mặt. Điều này chứng tỏ bị đơn đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Trịnh Trần Tiến T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Quan hệ hôn nhân giữa bà Trịnh Trần Tiến T và ông Vũ Hoàng Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 86/2008, ngày 25 tháng 8 năm 2008 của Ủy ban nhân dân phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (nay thuộc UBND phường B, tỉnh Khánh Hòa). Đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Tại phiên tòa, bà Trịnh Trần Tiến T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn ông Vũ Hoàng Đ. Xét thấy, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong nhiều vấn đề; ngoài ra còn do khó khăn về kinh tế nên vợ chồng thường cãi nhau. Trong thời gian vợ chồng không còn chung sống gần 10 năm, cả hai không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống. Đối với ông Đ, trong quá trình tố tụng ông không đến Tòa án tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa,... cho thấy ông Đ không có thiện chí hàn gắn tình cảm; trong khi bà T xác định tình cảm vợ chồng hiện không còn. Điều này chứng tỏ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trịnh Trần Tiến T là phù hợp với Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về giao người trực tiếp nuôi con chung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Trịnh Trần Tiến T về việc giao 02 con chung tên Vũ Hà M và Vũ Hoàng V cho bị đơn ông Vũ Hoàng Đ trực tiếp nuôi dưỡng; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo lời trình bày của nguyên đơn, ý kiến của hai con và qua xác minh tại gia đình, chính quyền địa phương nơi ông Đ hiện đang cư trú, cho thấy: Từ khi vợ chồng không còn sống chung, hai trẻ Hà M và Hoàng V sống ổn định cùng ông Vũ Hoàng Đ, về sức khỏe cũng như việc học tập của hai trẻ đều được đảm bảo; ngoài ra, hai trẻ cùng có nguyện vọng tiếp tục sinh sống với cha Vũ Hoàng Đ. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con cũng như xem xét đến nguyện vọng của hai trẻ. Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu về giao người trực tiếp nuôi con chung của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với Khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình; giao hai con Vũ Hà M, Vũ Hoàng V cho ông Vũ Hoàng Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên đương sự không tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp quy định pháp luật.

[2.5] Về án phí: Nguyên đơn bà Trịnh Trần Tiến T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, phù hợp với những nhận định trên, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Trần Tiến T

1.1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Trần Tiến T được ly hôn ông Vũ Hoàng Đ.

1.2/ Về giao người trực tiếp nuôi con chung:

Giao ông Vũ Hoàng Đ trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Vũ Hà M, sinh ngày 12/3/2009 và Vũ Hoàng V, sinh ngày 23/6/2013.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ như nhau đối với con chung; không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

2. Về án phí: Bà Trịnh Trần Tiến T phải chịu 300.000 *đồng (Ba trăm ngàn đồng)* án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0004510 ngày 11/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Bà Trịnh Trần Tiến T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai, sơ thẩm, có mặt nguyên đơn bà Trịnh Trần Tiến T, quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng bị đơn ông Vũ Hoàng Đ vắng mặt, quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND KV5 – Khánh Hòa;
- UBND p. B, Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn)./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Nguyên Vy